TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2018/DSPT
Ngày 03/5/2018
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tính.

Các Thẩm phán: Ông Ngô Xuân Ninh.

Bà Hoàng Thị Luận.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 và ngày 03 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2017/TLPT-DS ngày 05/12/2017 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 16/2017/DSST ngày 17/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 32/2018/QĐ-PT ngày 16 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Hà Quốc T, sinh năm 1962 - Có mặt.

Chị Vũ Thị M, sinh năm 1964 - Có mặt.

Địa chỉ: Số 19, xóm R, khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.

- *Bị đơn:* Anh Mẫn Mộng L, sinh năm 1969 - Có mặt.

Trú tại: Thôn M, xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hằng - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH số 1, Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Ninh - Có mặt.

Người kháng cáo: Anh Mẫn Mộng L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn là anh Hà Quốc T và chị Vũ Thị M trình bày: Tháng 3/2015 (âm lịch), chị M có nhận mua đồng phế liệu của chị Mẫn Thị D là em gái anh Mẫn Mộng L. Chị M đã đưa cho chị D số tiền 1.000.000.000đ. Do chị D không có hàng cho chị M nên số tiền 1.000.000.000đ chuyển thành khoản vay, ngày 30/9/2015 (âm lịch) chị D ký nhận nợ chị M số tiền 1.000.000.000đ.

Ngày 18/11/2015, chị D đưa anh L xuống nhà anh chị vay 500.000.000đ để anh L trả nợ ngân hàng và rút Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (gọi tắt là GCNQSDĐ) thửa số 623, tờ bản đồ 14, diện tích 187 m^2 tại thôn M, xã V, huyện Y đang thế chấp ở ngân hàng. Anh L đồng ý trả nợ cho chị D 1.000.000.000đ, tổng cộng anh L nợ anh chị 1.500.000.000đ.

Ngày 19/11/2015, anh L lấy GCNQSDĐ thì vợ chồng anh chị với anh L có lập một hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 623, tờ bản đồ 14, diện tích 187 m^2 tại thôn M, xã V, huyện Y với giá 1.500.000.000đ, hợp đồng được lập tại Văn phòng Công chứng Hoàng Phong, huyện Y. Anh L đã đưa cho anh chị bản gốc GCNQSDĐ của thửa đất này.

Anh L hứa một tháng sau sẽ vay ngân hàng 1.500.000.000đ để trả cho anh chị, nhưng không vay được. Anh L còn yêu cầu Văn phòng đăng ký đất đai huyện Y giữ lại GCNQSDĐ nêu trên, nhưng anh chị không đồng ý. Ngày 25/3/2016, Văn phòng đăng ký đất đai huyện Y đã trả lại bản gốc GCNQSDĐ nêu trên cho anh chị giữ.

Ngày 24/3/2016, anh L đã viết "Giấy thế chấp tài sản" cho anh chị, nội dung anh L thừa nhận nợ anh chị 1.500.000.000đ trong thời gian 16 tháng từ ngày 19/11/2015 đến ngày 18/3/2017, có thế chấp GCNQSDĐ nêu trên cho anh chị và hẹn đến ngày 18/3/2017 sẽ trả cho anh chị cả gốc và lãi theo lãi suất của Quỹ tín dụng Trang Hạ thì anh chị sẽ trả anh L GCNQSDĐ.

Đến hạn trả nợ anh L vẫn chưa trả cho anh chị cả gốc và lãi. Nay anh chị yêu cầu anh L phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc là 1.500.000.000đ và lãi suất tính từ ngày 24/3/2016 tính đến ngày xét xử là 18 tháng 1.500.000.000đ x 0,875%/tháng = 236.250.000đ. Đây là mức lãi suất của Quỹ tín dụng phường T mà anh chị đang vay để trả nợ đậy vào số tiền đã cho anh L vay. Khi nào anh L trả hết nợ gốc và lãi thì anh chị sẽ trả lại GCNQSDĐ cho anh L. Chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là "Giấy thế chấp tài sản" do anh L viết ngày 24/3/2016. Đối với Hợp

đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 19/11/2015 giữa anh chị với anh L thì anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn là anh Mẫn Mộng L trình bày: Chị Mẫn Thị D là em gái anh có mượn GCNQSDĐ của anh để thế chấp vay ngân hàng 500.000.000đ. Chị D lại nợ anh T, chị M số tiền 800.000.000đ. Đến hạn trả nợ, chị D không trả được nợ cho Ngân hàng. Anh T, chị M đã bỏ ra 500.000.000đ để trả ngân hàng lấy GCNQSDĐ ra.

Ngày 19/11/2015, giữa anh với anh T, chị M có ký một hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 623, tờ bản đồ số 14, tại thôn M, xã V với giá 1.500.000.000đ. Hợp đồng được lập tại Văn phòng Công chứng Hoàng Phong. Việc ký hợp đồng chỉ là hình thức, anh không vay mượn, mua bán gì với anh T, chị M mà chỉ đảm bảo cho chị D vay tiền.

Nay anh T, chị M yêu cầu anh phải trả 1.500.000.000đ thì anh đang đốc thúc chị D trả nợ. Anh T, chị M yêu cầu anh phải trả lại thì anh xin lãi vì chị D làm ăn thua lỗ.

Người làm chứng là chị Mẫn Thị D trình bày: Ngày 30/9/2015 (âm lịch), chị có viết giấy nợ chị M 1.000.000.000đ nhưng chị đã trả được 250.000.000đ còn 750.000.000đ, phía dưới giấy vay tiền anh T viết "ngày 16/2 âm lịch tức ngày 24/3/2016 số tiền trên đã được chuyển vào hết giấy thế chấp của anh L là 1.000.000.000đ". Việc anh L viết giấy thế chấp tài sản thế nào chị không biết. Chị thừa nhận ngày 18/11/2015 chị có đưa anh L xuống nhà anh T vay tiền nhưng anh T nói không có tiền nên chị M đưa anh L và chị đến nhà anh Cường vay tiền và anh L vay anh Cường 500.000.000đ. Mục đích anh L ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với anh T, chị M là để đảm bảo khoản vay của anh L với anh Cường và khoản vay của chị D với anh T, chị M. Anh L không vay tiền của anh T, chị M, cũng không nhận đồng nào từ anh T, chị M.

Người làm chứng là anh Nguyễn Văn Cường trình bày: Ngày 18/11/2015, anh có cho anh L vay 500.000.000đ để anh L trả nợ ngân hàng và rút GCNQSDĐ của anh L đang thế chấp ở ngân hàng. Anh và anh T, chị M đồng ý cho anh L thế chấp thửa đất số 623, tờ bản đồ số 14 ở thôn M, xã V, huyện Y để đảm bảo cho khoản vay 500.000.000đ nêu trên. Ngày 19/11/2015 tại Văn phòng công chứng Hoàng Phong anh L đã ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất nêu trên cho anh T, chị M với giá 1.500.000.000đ. Thực tế anh L không nhận đồng tiền nào từ anh T, chị M trong việc vay cũng như chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Sau này anh L đã trả hết nợ cho anh, hai bên hủy giấy vay tiền, giữa anh và anh L không còn vướng mắc tranh chấp gì với nhau.

Từ nội dung trên, bản án sơ thẩm đã áp dụng Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 463, 466, 468, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 235, 264, 266, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

1. Buộc anh Mẫn Mộng L phải có nghĩa vụ trả nợ cho anh Hà Quốc T, chị Vũ Thị M số tiền gốc là 1.500.000.000đ và lãi suất là 211.125.000đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 1.711.125.000đ.

2. Anh Hà Quốc T, chị Vũ Thị M phải trả cho anh Mẫn Mộng L một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 768833 do UBND huyện Y cấp ngày 02/10/2014 cho anh Mẫn Mộng L tại thửa đất số 623, tờ bản đồ số 14, diện tích 187,0m^2 tại thôn M, xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/10/2017, anh Mẫn Mộng L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Hà Quốc T, chị Vũ Thị M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh Mẫn Mộng L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 210 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do xác định sai tư cách người tham gia tố tụng và chưa làm rõ được tình tiết nội dung vụ án. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Y xét xử lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát Viên tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử thấy:

- Về nội dung: Ngày 30/9/2015 âm lịch, chị Mẫn Thị D viết giấy nhận nợ chị Vũ Thị M, anh Hà Quốc T số tiền 1.000.000.000đ. Sau đó, ngày 24/3/2016, anh Mẫn Mộng L viết "giấy thế chấp tài sản" cho anh T, chị M với nội dung anh L

thế chấp cho anh T, chị M giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 623, tờ bản đồ 14, diện tích 187m^2 tại M, V, Yên Phong, Bắc Ninh để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ số tiền 1.500.000.000đ với thời hạn 16 tháng kể từ ngày 19/11/2015 đến ngày 18/3/2017. Anh L cam kết trả lãi hàng tháng cho anh T, chị M với lãi suất theo lãi suất của quỹ tín dụng nhân dân Trang Hạ. Nếu không trả được nợ thì anh L đồng ý để anh T, chị M bán tài sản là quyền sử dụng đất thửa đất nêu trên. Do đến hạn trả nợ nhưng anh L không trả nên anh T, chị M khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh L có nghĩa vụ trả khoản nợ gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Mẫn Mộng L phải có nghĩa vụ trả nợ cho anh Hà Quốc T, chị Vũ Thị M số tiền gốc là 1.500.000.000đ và lãi suất là 211.125.000đ.

Ngày 26/10/2017, anh Mẫn Mộng L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Xét kháng cáo của anh Mẫn Mộng L, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp gửi kèm theo đơn khởi kiện là giấy thế chấp tài sản ngày 24/3/2016. Bản án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản là phù hợp pháp luật. Về nội dung giấy thế chấp tài sản là để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ số tiền 1.500.000.000đ. Trong đó có số tiền 1.000.000.000đ theo giấy nhận nợ ngày 30/9/2015 là tiền chị D vay của anh T, chị M thể hiện chị D chuyển giao nghĩa vụ trả nợ số tiền này cho anh L và số tiền 500.000.000đ là số tiền anh T, chị M đưa cho anh Nguyễn Văn Cường để anh Cường đứng ra cho anh L vay. Vì thế đây cũng là số tiền mà anh L đã vay của vợ chồng anh chị. Anh L cũng thừa nhận anh có vay số tiền 500 triệu đồng nhưng là của anh Cường chứ không phải của anh T, chị M nhưng lại không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh việc anh L vay của anh Cường số tiền này. Tại biên bản ghi lời khai ngày 08/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Y (BL 54) anh L khai nhận khi chị D không trả được ngân hàng thì vợ chồng T Mỹ có bỏ ra 500.000.000đ để trả ngân hàng rút sổ đỏ ra. Sau đó anh và vợ chồng anh T có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất 187m^2 tại M, V, Yên Phong, hợp đồng lập tại Văn phòng công chứng Hoàng Phong mục đích là để chị D vay nợ. Như vậy có thể khẳng định anh L thừa nhận số nợ 1.500.000.000đ. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã xử buộc anh Mẫn Mộng L có nghĩa vụ trả cho anh Hà Quốc T, chị Vũ Thị M số tiền 1.500.000.000đ và lãi suất là có căn cứ. Như vậy, kháng cáo của anh L không có cơ sở chấp nhận cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Về thủ tục tố tụng: Trong vụ án này Tòa án sơ thẩm đã xác định sai tư cách tham gia tố tụng của anh Cường và chị D. Cả anh Cường và chị D đều có liên quan đến số tiền vay. Do vậy anh Cường và chị D phải tham gia tố tụng với tư cách

người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án này mới đúng quy định. Tuy nhiên việc xác định sai tư cách tham gia tố tụng của đương sự trong vụ án không làm ảnh hưởng đến nội dung cũng như quyền lợi của các đương sự. Do vậy, cấp sơ thẩm nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Ngoài ra, Biên bản nghị án của Hội đồng xét xử sơ thẩm không đúng hướng dẫn tại nghị quyết 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13/01/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, khi nghị án không biểu quyết và quyết định của Hội đồng xét xử theo từng vấn đề của vụ án, không đọc lại cho các thành viên Hội đồng xét xử và biên bản nghị án ghi cả người làm chứng là không đúng quy định. Thiếu sót này cấp sơ thẩm cũng cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Do kháng cáo của anh L không được chấp nhận nên anh L phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 463, 466, 468,688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 235, 264, 266, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử giữ nguyên bản án sơ thẩm:

1. Buộc anh Mẫn Mộng L phải có nghĩa vụ trả nợ cho anh Hà Quốc T, chị Vũ Thị M số tiền gốc là 1.500.000.000đ và lãi suất là 211.125.000đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 1.711.125.000đ (Một tỷ bảy trăm mười một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

2. Anh Hà Quốc T, chị Vũ Thị M phải trả cho anh Mẫn Mộng L một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 768833 do UBND huyện Y cấp ngày 02/10/2014 cho anh Mẫn Mộng L tại thửa đất số 623, tờ bản đồ 14, diện tích 187,0m^2 tại thôn M, xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Anh Mẫn Mộng L phải chịu 63.333.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, xác nhận anh L đã nộp 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số số 0003586 ngày 27/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y.

Hoàn trả anh Hà Quốc T 31.256.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 03404 ngày 19/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Tính